

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20/01/2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Đăng Thiện
- Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1997, Nơi ĐKKHKT: Khu phố Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Đ, xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc Q, sinh năm 1988, địa chỉ: Khu phố Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Khắc Q qua tìm hiểu, lấy nhau

là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 11/7/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau không hòa thuận, hạnh phúc, do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình. Hai bên gia đình đã cố gắng hòa giải, hàn gắn tình cảm để vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 10/2024 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay, không còn qua lại với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khắc Hoàng T1, sinh ngày 10/5/2018 và cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 24/02/2020. Ly hôn, chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung; không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị Minh T xác định để vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 12/12/2024, bị đơn là anh Nguyễn Khắc Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, chị T đã nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ nhưng anh vẫn bỏ qua. Đến tháng 10/2024 thì vợ chồng có xảy ra cãi nhau và chị T lại bỏ về nhà mẹ đẻ, từ đó đến nay không về. Nay chị T yêu cầu ly hôn, quan điểm của anh Q là không đồng ý ly hôn, anh mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi con.

Về con chung: Anh Nguyễn Khắc Q xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khắc Hoàng T1, sinh ngày 10/5/2018 và cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 24/02/2020, hiện tại cả hai con chung đều đang ở với anh. Quan điểm của anh Q là nếu chị T vẫn yêu cầu ly hôn thì anh có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung; anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Khắc Q xác định là vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh lập ngày 12/12/2024, đại diện UBND thị trấn T cho biết: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Khắc Q có quan hệ là vợ chồng, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện T vào ngày 11/7/2017. Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh Q có 02 con chung là cháu Nguyễn Khắc Hoàng T1, sinh ngày 10/5/2018 và cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 24/02/2020. Hiện nay chị Nguyễn Thị Minh T không có mặt tại địa phương. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên xét thấy vi phạm đó không ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

1. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn đối với anh Nguyễn Khắc Q.

2. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Khắc Hoàng T1 cho anh Q được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bích N cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T và anh Q không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Minh T khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Khắc Q, hiện đang cư trú tại: Khu phố Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Khắc Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Khắc Q

tự nguyện kết hôn, đã được UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/7/2017, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình, nên đã thường xuyên để xảy ra việc cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 10 năm 2024 vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị T một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; tại bản tự khai ngày 12/12/2024 anh Q có ý kiến thể hiện quan điểm không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tiếp theo, anh Q có mặt làm việc tại phiên hòa giải ngày 12/12/2024, nhưng tự ý bỏ về giữa chừng, không tham gia phiên hòa giải; tại các phiên tòa anh Q đều vắng mặt, điều đó thể hiện anh Q không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T, xử cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Khắc Q.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Khắc Q đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Khắc Hoàng T1, sinh ngày 10/5/2018 và cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 24/02/2020.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con chung của chị T và anh Q, thấy rằng: Cả hai con chung đều dưới 7 tuổi, nên Tòa án không ghi nhận ý kiến. Tuy nhiên, xét chị T và anh Q đều có đủ các điều kiện để được trực tiếp nuôi con; hơn nữa vợ chồng có 02 con chung đang cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; việc giao cả 02 con cho một người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, để đảm bảo quyền được nuôi con của hai bên vợ chồng sau ly hôn, cần thiết giao cho cả hai bên vợ chồng mỗi người đều được trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Xét con chung là cháu Bích N là con gái, nên việc giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng sẽ có nhiều thuận tiện hơn trong việc chăm sóc; cháu Hoàng T1 giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con. Chị T và anh Q mỗi người đều đã trực tiếp được giao nuôi dưỡng 01 con chung, do đó hai bên không ai phải cấp dưỡng.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Khắc Q đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1

Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Khắc Q.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Khắc Q có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Khắc Hoàng T1, sinh ngày 10/5/2018 và cháu Nguyễn Bích N, sinh ngày 24/02/2020.

Giao con chung là cháu Nguyễn Bích N cho chị Nguyễn Thị Minh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung là cháu Nguyễn Khắc Hoàng T1 cho anh Nguyễn Khắc Q được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Khắc Q không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Nguyễn Khắc Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002796 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Nguyễn Thị Minh T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến